

## **Nhận Định Về Đảng Cộng Sản Việt Nam**

1. Cần Một Cơ Sở Dân Chủ Cho Dân Chủ Cơ Sở
2. Chủ Nghĩa Mác Và Đảng CSVN
3. Về Chủ Trương Ba Đại Diện Của Giang Trạch Dân
4. Từ Cái Chết Của Trần Độ Tới Tương Lai Đảng CSVN

## Cần Một Cơ Sở Dân Chủ Cho Dân Chủ Cơ Sở

Vừa qua, tại hội nghị kiểm điểm 6 năm thực hiện dân chủ cơ sở, ông Nông Đức Mạnh và ông Phan Diễn đều cho rằng dân chủ là “bừa bới” và là biện pháp cần thiết để giải quyết các vấn đề chính trị-xã hội của Việt Nam như tệ nạn tham nhũng. Đúng, dân chủ là bừa bới, nhưng cho đảng cộng sản để đối phó với tình hình mới, hay cho đất nước để thoát ra khỏi tình trạng hèn kém hiện nay? Điều này tùy thuộc vào việc ban lãnh đạo cộng sản có thật sự muốn dân chủ hóa đất nước hay không. Từ lý luận đến thực tế cho đến nay, tiếc thay, đều cho thấy họ chưa chấp nhận tiến trình dân chủ hoá thực sự. Họ vẫn rất “sợ” dân chủ và tự do thật sự, bởi một lẽ đơn giản là họ sợ mất quyền.

Tôi muốn nhấn mạnh chữ *thật sự*. Dân chủ tự do thật sự là dân chủ tự do cho toàn dân chứ không chỉ cho riêng bất cứ một đảng phái chính trị nào, nhất là đảng đang cầm quyền. Hiện nay đảng cộng sản toàn quyền “ban bố” tự do dân chủ cho người dân, và ban bố theo mức độ và tốc độ mà họ cho rằng “tốt nhất” cho người dân, mà thực chất là tốt nhất cho đảng. Điều này thể hiện rõ cả trong lý luận lẫn trong các chính sách thực tiễn của đảng. Trong lý luận thì đảng cộng sản VN, theo gương Trung quốc, đang “mò mẫm” một mô hình mà họ gọi là dân chủ xã hội chủ nghĩa, hay dân chủ pháp quyền hay “dân chủ tập trung”. Chương trình dân chủ cơ sở là một thí điểm của nền dân chủ còn chưa rõ nét đó.

Tất nhiên ngày nay ban lãnh đạo cộng sản không còn thể khẳng khái cho rằng chế độ cộng sản “dân chủ gấp triệu lần” chế độ tư bản như 10 năm trước đây. Họ đã phải đối thoại nhân quyền với thế giới, dù trước đây không muốn. Sắp tới đây, họ sẽ phải đối thoại dân chủ với cả những người dân chủ Việt Nam, dù hiện nay họ vẫn chưa chấp nhận. Ngay bây giờ, trước áp lực của tình thế, họ đã phải thêm danh từ “dân chủ” vào khẩu hiệu “xã hội công bằng, văn minh” và đề ra chương trình thực hiện dân chủ cơ sở. Nhưng đây chỉ là một bước lùi chiến thuật hơn là một bước tiến về nền dân chủ chân chính, dù bước lùi này đang tạo thêm cơ hội và điều kiện, ngoài mong muốn của ban lãnh đạo CS, cho cuộc vận động dân chủ hóa Việt Nam. Chúng ta sẽ nói rõ hơn về tình thế mới này trong một dịp khác.

Thực chất của chương trình dân chủ cơ sở là nó *thiếu cơ sở dân chủ*. Dân chủ cơ sở hiện nay ở Việt Nam đang được xây dựng trên cơ sở “đảng

chủ”. Điều này thể hiện rất rõ ở điều 4 của Hiến Pháp và trong lý luận về dân chủ tập trung hay dân chủ pháp quyền. Điều 4 Hiến Pháp cho đảng cộng sản quyền đương nhiên đại diện nhân dân, và đương nhiên toàn quyền lãnh đạo xã hội, mà không hề phải qua bất cứ thủ tục dân chủ bình thường nào như tín nhiệm (trung cầu dân ý), hay đề cử (qua bầu cử tự do đa đảng). Do đó, không có gì lạ khi trong Hiến Pháp không hề có chức vụ Tổng Bí Thư đảng nhưng trong thực tế, TBT đảng đương nhiên có quyền lực cao nhất mà không hề chịu dưới sự tín nhiệm, bầu cử hay truất nhiệm bởi bất cứ cơ quan quyền lực quốc gia nào. Đảng, lãnh đạo và đại diện bởi Tổng Bí Thư, đứng trên nhân dân và trên đất nước. Chính từ cơ sở đảng chủ đó mà ra quan điểm dân chủ tập trung và dân chủ pháp quyền (rule by law), nó hoàn toàn khác với dân chủ toàn dân và dân chủ pháp trị (rule of law).

Dân chủ tập trung, tức đảng chủ, cũng giống như dân chủ chỉ huy, một quan niệm khá thịnh hành trên thế giới cách đây nửa thế kỷ, nay đã lỗi thời. Không thể có dân chủ trên cơ sở đảng chủ. Dân chủ xây dựng trên cơ sở đảng chủ còn kém dân chủ hơn cả nền dân chủ tự trị làng xã trước khi nước ta bị Pháp thuộc, nền tự trị đã được ngay cả những nhà lý luận cộng sản tương đối cấp tiến như Trần Trọng Tân công nhận (xem bài viết của ông trong Tạp Chí Cộng Sản Online số mới nhất). Khẩu hiệu chính trị hiện nay là “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” càng thể hiện rõ tinh thần “đảng chủ” này. Dân có tới 4 quyền, nhưng lại không có cái quyền căn bản nhất, quyền quyết định. Đảng giữ quyền quyết định “hộ” cho nhân dân, mà là giữ độc quyền không cho đảng nào, cá nhân nào, cạnh tranh được. Đảng, qua ban lãnh đạo đảng ở trung ương và cơ sở, quyết định cho dân được biết gì, bàn gì, làm gì và kiểm tra những gì. Và để có vẻ “văn minh”, hợp trào lưu thế giới, đảng đặt ra luật pháp (thông qua Quốc hội do ”đảng cử dân bầu”) để “hợp pháp hóa” quyền quyết định của đảng và 4 “quyền thi hành” của người dân. Đó là thực chất của dân chủ pháp quyền, dân chủ tập trung và dân chủ cơ sở. Và đó cũng là khác biệt căn bản với dân chủ toàn dân chân chính và dân chủ pháp trị.

Dân chủ chân chính phải được thực hiện ở cả cơ sở quần chúng (toàn dân) và trên các cấp chính quyền, nhưng không thể có được dân chủ chân chính ở cả hai tầng cấp đó trên cơ sở của chế độ chính trị độc quyền và độc đảng. Đây lại là điểm khác biệt căn bản giữa chế độ dân chủ xã hội tự do pháp trị, đa đảng (như ở các nước Bắc Âu, có thể thích hợp cho Việt Nam) với chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa Mác-xít pháp quyền độc đảng hiện nay ở Việt Nam.

Và do đó, cần nhấn mạnh rằng “bù bới” chiến lược và căn bản cho vấn đề Việt Nam là cần nhanh chóng chấm dứt cái nhãn quan cho rằng hiện nay là “giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội”. Để nhanh chóng tiến vào

thiên niên kỷ thứ ba, Việt Nam cần một nhân quan mới: *giai đoạn hiện nay là giai đoạn chuyển tiếp từ độc tài đảng trị lên dân chủ pháp trị.*

*(5.10.2004)*

(Tóm lược nội dung phỏng vấn của đài RFA nhân đại hội kiểm điểm chương trình dân chủ cơ sở của đảng CSVN)

## **Chủ nghĩa Mác và Đảng Cộng sản Việt nam**

Tình hình nước ta trong nửa thế kỷ qua gắn liền với sự hình thành và phát triển của đảng Cộng Sản Việt Nam (CSVN). Và đây quả là một điều bất hạnh cho dân tộc. Ngày nay nhiều người, kể cả một số cán bộ cộng sản, đã bắt đầu cho rằng phải chăng dân tộc ta không cần phải mất nhiều thời gian, công sức và sinh mạng như thế mới dành được độc lập, mà lại là một thứ độc lập chỉ trên danh nghĩa, hơn nữa lại chỉ để đổi lấy một đất nước nghèo nàn lạc hậu.

Vấn đề này chắc chắn sẽ còn phải tranh luận nhiều nhưng có một điều khá rõ là nếu cuộc chiến đấu giành độc lập không bị gắn chặt vào phong trào cộng sản quốc tế do Liên Xô lãnh đạo thì chắc chắn vận mệnh dân tộc ta đã đổi khác đi rất nhiều. Nhiều quốc gia trên thế giới, kể cả các quốc gia láng giềng của chúng ta, không rơi vào quỹ đạo của cộng sản quốc tế, đã dành được độc lập từ lâu mà không phải mất nhiều thời gian và xương máu như chúng ta. Họ cũng đã có nhiều thời gian và cơ hội hơn để phát triển đất nước, và kết quả là ngày nay họ đã vượt xa chúng ta hàng mấy thập niên. Ngày nay sau hơn hai mươi năm hòa bình và thống nhất, đất nước ta vẫn là một trong những nước nghèo nàn lạc hậu nhất thế giới, riêng ở Á châu cũng chỉ hơn được Nepal. Mà vẫn chưa thấy có triển vọng thoát ra khỏi tình trạng trì trệ hiện nay. Ai phải chịu trách nhiệm trước lịch sử và dân tộc về tình trạng đó của đất nước nếu không phải là ban lãnh đạo đảng CSVN?

Khách quan mà nói những người Việt Nam yêu nước vào những năm 1930 khi tham gia phong trào cộng sản đều nghĩ rằng chủ nghĩa Mác-Lê là con đường tốt nhất để giải phóng dân tộc vừa khỏi cảnh nô lệ vừa khỏi kiếp sống nghèo đói lạc hậu. Do đó những người khởi xướng phong trào cộng sản tại Việt Nam, đã tích cực vận dụng khối quần chúng nông dân đông đảo, kích động lòng yêu nước cùng nỗi căm giận vì cảnh sống khốn cùng của họ, để lôi cuốn họ vào hai cuộc chiến tranh thảm khốc kéo dài suốt 3 thập niên. Khi hiểu được hậu quả nguy hại do ban lãnh đạo đảng Cộng Sản gây ra cho dân tộc, những người yêu nước, trong đó có nhiều người cộng sản, đã không ngừng tranh đấu chống lại đường lối của ban lãnh đạo này.

Ngày từ khi cuộc kháng chiến chống Pháp chưa chấm dứt, vào những năm 1950, 1951, khi ban lãnh đạo đảng CSVN, theo chỉ thị của Đệ Tam Quốc Tế, cụ thể là Staline, bắt đầu gắn liền cuộc đấu tranh giải phóng dân

tộc vào cuộc đấu tranh giai cấp, thì nhiều trí thức và nhà văn yêu nước đã phải rời bỏ hàng ngũ kháng chiến để tạm lánh sang vùng đất do người Pháp cai trị. Từ đó lực lượng dân tộc bị chia rẽ và tình hình đất nước bị tác động mạnh mẽ bởi cuộc tương tranh lưỡng cực quốc tế. Lòng yêu nước trong sáng của hàng triệu người Việt, kể cả nhiều người cộng sản, đã bị nhóm lãnh đạo đảng CSVN lợi dụng để độc chiếm chính quyền và biến nước ta thành tiền đồn cho quốc tế vô sản. Và do đó, khi đất nước còn bị chia cắt, ngoài cuộc chiến đấu chống lại cộng sản tại miền Nam, ngay tại miền Bắc dưới chế độ cộng sản, nhiều người cộng sản đã bắt đầu chống đối lại đường lối của ban lãnh đạo đảng CSVN. Đặc biệt sau khi chế độ cộng sản sụp đổ tại Liên Xô và khối cộng sản quốc tế tan vỡ, ngày càng có thêm nhiều người cộng sản, trong đó có cả những người đã tham gia đảng CSVN từ mấy chục năm nay, chống đối lại ban lãnh đạo đảng CS. Ban lãnh đạo đảng CS ngày nay đang đứng trước một chọn lựa sinh tử: hoặc là tan vỡ trong bạo loạn nếu duy trì đường lối hiện nay, hoặc là thay đổi thật sự dù có thể dẫn đến mất quyền. Xu thế tiến hóa của dân tộc và của thời đại đều không cho phép ban lãnh đạo đảng CSVN có con đường chọn lựa thứ ba.

Thực ra con đường mà ban lãnh đạo đảng CSVN, bằng cả bạo lực và mưu kế, muốn đẩy dân tộc vào, đã là con đường cụt ngay trong bản chất và nội dung của chủ nghĩa Mác-Lê. Thực tế đã chứng minh điều đó. Tuy nhiên, phê phán chủ nghĩa Mác một cách căn bản và toàn diện là một việc làm cần thiết vì chủ nghĩa Mác đã được đảng CSVN tuyên truyền sâu rộng ở Việt Nam suốt nửa thế kỷ qua. Công việc này cũng cần thiết để làm trong sáng lại bầu không khí chính trị và văn hóa đã bị ô nhiễm bởi chính sách độc quyền của đảng CSVN. Vì thế tôi đang biên soạn một cuốn sách tập chú vào vấn đề này. Tuy nhiên vì đây là một công việc mang nặng tính chất lý luận, và vì tính cấp bách của công cuộc vận động cho tự do dân chủ hiện nay, nên ở đây tôi chỉ xin trình bày một số điểm phê phán tổng quát về chủ nghĩa Mác và về đảng CSVN mà thôi.

Trước hết về chủ nghĩa Mác. Trong tài liệu soạn thảo và công bố ở trong nước vào giữa năm 1989 với tựa đề *Toàn Dân Vận Động Cho Dân Chủ*, và được in lại tại hải ngoại dưới tựa đề *Thư Quốc Nội* đầu năm 1990, tôi đã viết: “Chính sự thành công của CS lại minh chứng cho sự sai lầm của sử quan Mác. Từ sau cách mạng tháng 10 Nga, cách mạng vô sản nổ ra không phải như là một diễn biến nội tại tất nhiên của xã hội tư bản đã chín mùi, mà như là kết quả của bạo lực quân đội và hồng quân Nga, hay của phong trào yêu nước.”<sup>1</sup> Và: “Bản thân chủ nghĩa Mác đã bị tu chính nhiều

---

<sup>1</sup> Đoàn Viết Hoạt Và Nhóm Diễn Đàn Tự Do. The Case of Freedom Forum. California: Trăm Hoa, 1993, tr. 38.

lần bởi chính các lãnh tụ cộng sản quốc tế và cả những nhà lý luận cộng sản Âu Mỹ”.<sup>2</sup>

Chúng ta hãy thử phân tích hai nhận xét này. Trước hết, theo sử quan Duy vật Mác xít thì lịch sử loài người phải tiến qua giai đoạn tư bản mới lên được giai đoạn cộng sản, vì chỉ trong xã hội tư bản mới có đủ các yếu tố cần thiết cho cuộc cách mạng vô sản thành công trong đó yếu tố quyết định là giai cấp công nhân công nghiệp có trình độ khoa học và kỹ thuật cao, đồng thời có số lượng đông đảo và tập trung. Chính vì thế mà Mác mới tiên liệu nước đầu tiên có nhiều khả năng lên cộng sản nhất là nước Anh. Riêng về nước Nga Sa Hoàng Mác đặt ít triển vọng nhất, và cho rằng Nga chỉ có thể thực hiện được cuộc cách mạng vô sản khi có một nước ở Âu Châu đã thành công. Thực tế đã diễn tiến khác hẳn. Nước đầu tiên thành cộng sản lại là nước Nga, một nước mà công nghiệp chưa phát triển. Nước thứ hai là Mông Cổ vẫn còn du mục! Các nước Đông Âu thành cộng sản dưới gót giày xâm lấn của Liên Xô. Còn các nước khác như Việt Nam đảng CSVN đã thành công nhờ gắn liền với phong trào giải phóng dân tộc. Trong khi đó, cho tới nay, hơn 150 năm kể từ ngày Tuyên Ngôn Cộng Sản ra đời, chưa hề có một nước tư bản nào thành cộng sản dù đảng cộng sản được hoạt động tự do và công khai. Riêng ở nước Anh, một trong những nước có đảng cộng sản hoạt động sớm nhất trên thế giới, mùa hè năm 1976, Tổng Bí Thư đảng CS Anh từ chức, ra khỏi đảng, và tuyên bố đảng cộng sản không còn vai trò gì nữa trong xã hội Anh! Sự kiện chấn động thế giới đó đã xảy ra giữa lúc mà phong trào cộng sản quốc tế do Liên Xô lãnh đạo đang bước vào giai đoạn phát triển mạnh nhất, và ngay sau khi cộng sản toàn thắng ở Việt Nam. Cũng chính vì thế nó đã không cảnh tỉnh được ban lãnh đạo cộng sản tại Liên Xô, Đông Âu cũng như tại Việt Nam. Nhưng rõ ràng đó là một trong những báo hiệu khởi đầu cho sự sụp đổ của cả khối cộng sản quốc tế xảy ra hơn một thập niên sau đó.

Về nhận xét thứ hai, chủ nghĩa Mác đã bị xét lại ít nhất hai lần. Lần thứ nhất là Lê-nin. Trong một luận cương về chế độ thuộc địa --tài liệu đã đưa HCM, và sau đó là cuộc chiến đấu giải phóng dân tộc của Việt Nam, vào quỹ đạo của cộng sản đệ tam quốc tế-- Lê-nin đã tu chỉnh luận điểm quan trọng của Mác là phải tiến qua giai đoạn tư bản mới lên cộng sản được. Theo Lê-nin thì sở dĩ Mác lý luận như thế vì vào thời kỳ Mác chủ nghĩa tư bản chưa biến thành chủ nghĩa đế quốc, chưa bành trướng thế lực ra những nước nông nghiệp lạc hậu. Lê-nin cho rằng phải và có thể phát triển cộng sản ở ngay các thuộc địa của các nước tư bản. Phải vì có thế mới đánh gục nhanh chóng

---

<sup>2</sup> *Sđđ*, tr. 39.

được chủ nghĩa tư bản tại nơi yếu nhất của nó; và có thể, nếu có một đảng cộng sản dù còn non yếu và có sự giúp đỡ của một nước cộng sản anh em. Từ đó Lê-nin đưa ra điểm tu chính quan trọng: có thể tiến lên cộng sản không cần thông qua giai đoạn tư bản. Điều này phù hợp với thực tế là Liên Xô đã tiến lên cộng sản khi vẫn còn là một nước nông nghiệp. Nhưng điểm quan trọng là sở dĩ cộng sản thành công tại Liên Xô cũng như tại các nước theo mô hình Lê-nin vì có một tổ chức đảng chặt chẽ với kỷ luật sắt và kỹ thuật hoạt động bí mật cao độ, và một chính quyền chuyên chế tuyệt đối. Kết quả là lich sử đã bị cưỡng chế chứ không phát triển theo qui luật tất yếu tự nhiên như Mác dự kiến. Và tất nhiên, mọi cưỡng chế cuối cùng đều thất bại, dù đã kéo dài được hơn 70 năm.

Mao Trạch Đông là người tu chính chủ nghĩa Mác lần thứ hai. Lần này Mao tu chính chính qui luật căn bản của học thuyết Mác: luật mâu thuẫn. Mao trình bày luận điểm của ông ta trong một tài liệu mỏng nhưng quan trọng mang tựa đề *Mâu Thuẫn Luận*. Ngay trong câu mở đầu Mao đã xác định rằng luật mâu thuẫn chính là luật đối lập thống nhất. Mao cho rằng mâu thuẫn phải được tìm hiểu và vận dụng trong bối cảnh diễn tiến của thực tại. Và trong quan hệ với thực tại như thế mâu thuẫn có thể diễn tiến dưới nhiều hình thái khác nhau. Có mâu thuẫn lâu dài, có mâu thuẫn tạm thời; có mâu thuẫn chính, có mâu thuẫn phụ. Hơn thế nữa một mâu thuẫn có thể là chính vào lúc này trong trường hợp này lại có thể trở thành phụ vào lúc khác trong trường hợp khác. Áp dụng vào các vấn đề chính trị và cách mạng của Trung Hoa lúc bị Nhật xâm lăng, Mao cho rằng mâu thuẫn chính lúc đó là mâu thuẫn giữa dân tộc Trung Hoa và bọn quân phiệt xâm lược Nhật Bản, còn mâu thuẫn Quốc-Cộng là mâu thuẫn phụ. Do đó Mao đưa ra chủ trương Quốc-Cộng liên minh kháng Nhật. Vào thập niên 60, khi Trung Quốc chống lại ý đồ không chế của Liên Xô, Mao cho rằng mâu thuẫn giữa Liên Xô và Trung Quốc là mâu thuẫn chính và mâu thuẫn giữa Trung Quốc và Mỹ là mâu thuẫn phụ, nên đưa ra khẩu hiệu: “Bắc cự Liên Xô, Đông hòa Mỹ quốc, cận thân Nhật Bản”. Trên bình diện toàn cầu thì, trong khuôn khổ của học thuyết mâu thuẫn mới đó, Mao đưa ra thuyết ba thế giới: thế giới thứ nhất gồm hai siêu cường Nga-Mỹ, thế giới thứ hai gồm các nước công nghiệp phát triển, và thế giới thứ ba gồm tất cả các nước kém phát triển. Trung Quốc đứng về khối các nước thuộc thế giới thứ ba, tất nhiên với ý định liên kết các nước này, tìm sự hỗ trợ của các nước phát triển để đánh đổ hai siêu cường Nga-Mỹ. Với quan điểm tu chính rất thực tế như thế, qui luật mâu thuẫn của Mác đã mất đi tính chất đấu tranh giai cấp và mang nặng tính chất dân tộc sinh tồn Đại Hán vốn có của các triều đại phong kiến Trung Hoa. Đường lối Đại Hán hiện đại này được vận dụng trong chính sách “hiện đại hóa” do Đặng Tiểu Bình đưa ra và trong kế hoạch xây dựng “chủ nghĩa xã



hội mang màu sắc Trung Quốc” của ban lãnh đạo cộng sản Trung Quốc hiện nay.

Đây là hai lần tu chỉnh chủ nghĩa Mác ngay tại những nước cộng sản. Còn tại những nước tư bản, vì là những nước tự do, đảng cộng sản được hoạt động công khai nên chủ nghĩa Mác lại càng biến thể nhanh chóng và mạnh mẽ hơn nữa, từ lý luận căn bản tới phương pháp hoạt động. Trong khi những đảng cộng sản chính thống tại các nước nhỏ do Liên Xô hay Trung Cộng chi phối thì chủ trương hoạt động cách mạng bạo động và lật đổ thì tại các nước Âu Mỹ các đảng cộng sản hoạt động bất bạo động, công khai và hợp pháp bằng phương pháp tranh cử và đấu tranh nghị trường. Năm 1976 Liên Xô triệu tập được Đại Hội Cộng Sản toàn Âu Châu tại Varsovie sau hơn hai năm chuẩn bị. Lần đầu tiên Nam Tư đồng ý tham dự với điều kiện phải chấp nhận quan điểm dân tộc của họ. Hai đảng Cộng Sản Pháp và Ý cũng đồng ý tham dự sau khi Liên Xô chấp nhận để cho đại diện hai đảng CS này đọc trọn vẹn bài phát biểu của họ. Theo như nhận xét của đài BBC khi tường thuật về Đại hội này thì hai bài thuyết trình của hai đảng CS Pháp và Ý là hai quả bom nổ tại Đại Hội. Cả hai đảng đều đưa ra ba quan điểm giống nhau: bác bỏ đấu tranh giai cấp, bỏ chuyên chính vô sản và không chấp nhận một trung tâm quyền lực cộng sản quốc tế. Sau khi Liên Xô sụp đổ và khối Cộng sản quốc tế tan vỡ thì các đảng cộng sản này cũng như hầu hết các đảng cộng sản khác trên thế giới đều lần lượt suy yếu hoặc phải đổi tên thành các đảng dân chủ xã hội.

Tại sao phong trào cộng sản quốc tế đã một thời phát triển rộng khắp các nơi lại tan rã nhanh chóng như thế? Phải chăng tại vì những sai lầm trong hàng ngũ lãnh đạo của đảng cộng sản Liên Xô? Và phải chăng tình trạng hiện nay chỉ là bước thoái trào tạm thời của phong trào cộng sản quốc tế như những nhà lý luận cộng sản VN đang cố giải thích để làm yên lòng những đảng viên đang lung lay niềm tin của họ? Có thể là như thế, thậm chí một số đảng cộng sản được phục hồi tại Nga và một số nước khác có thể trở lại cầm quyền. Nhưng phong trào cộng sản quốc tế sẽ không bao giờ có thể phục hồi lại được như trước nữa, vì ngay tại mỗi nước mà đảng cộng sản có thể trở lại nắm được quyền hành thì chế độ chính trị tại những nơi đó đã và sẽ vẫn là một chế độ tự do dân chủ, trong đó mọi đảng phái đều được quyền hoạt động tự do và bình đẳng, và trong đó người dân, chứ không phải bất cứ đảng nào, kể cả và nhất là đảng cộng sản, có quyền quyết định chọn lựa những người lãnh đạo đất nước. Đảng cộng sản vẫn có thể, và luôn luôn vẫn có quyền tồn tại như bất cứ đảng chính trị nào khác, nếu vẫn có người theo. Nhưng chế độ cộng sản thì không bao giờ có thể phục hồi lại được, chế độ cộng sản hiểu theo ý nghĩa với ba nội dung cụ thể: độc quyền về văn hóa tư tưởng, độc đảng về chính trị, và kinh tế chỉ huy ưu tiên cho quốc doanh và tập thể. Còn những lý tưởng mà Mác muốn thực hiện, tức là bình đẳng, tự

do, hạnh phúc, không còn người bóc lột người, các dân tộc sống chan hòa với nhau... thì, trước hết, đó không phải là lý tưởng đặc thù riêng của Mác, mà của bất cứ ai có lương tri trên trái đất này; hơn nữa, những lý tưởng đó đã và đang được thực hiện không phải bởi phương thức do Mác đề ra, mà bởi những phương thức mà Mác muốn loại bỏ. Và không phải những bởi những đệ tử của Mác mà bởi chính những người mà Mác cho rằng phải tiêu diệt.

Đúng như thế. Xã hội tư bản có rất nhiều điều bất cập, cần phải được phê phán và sửa đổi, không những trước đây, bây giờ, mà còn mãi mãi không ngừng, như là qui luật chung đối với bất cứ hình thái xã hội nào khác. Nhưng xã hội tư bản có một đặc tính quan trọng mà xã hội cộng sản không có: đó là tự do. Sự tự do đó cho phép con người sửa đổi được cả bản thân con người lẫn những cơ chế xã hội mà con người đặt ra. Và điều đáng nói hơn thế nữa là sự tự do đó đã cho phép mỗi cá nhân *điều chỉnh ngay chính cả sự tự do của mình!* Để nhờ đó đã có thể chuyển đổi từ thời kỳ tư bản bóc lột -- với sự tự do cạnh tranh theo kiểu rùng rú, mạnh được yếu thua, cá lớn nuốt cá bé, lợi nhuận cá nhân trên lợi ích công cộng-- sang được thời kỳ tư bản xã hội hóa ngày nay, với các biện pháp về luật lệ và thuế má, ngăn ngừa độc quyền kinh doanh, bảo vệ quyền lợi của người dân bình thường, cũng là người tiêu thụ, đồng thời vẫn bảo đảm được môi trường cạnh tranh tự do, bình đẳng, thúc đẩy tiên bộ.

Chế độ cộng sản không những đã tước đoạt mất của mỗi con người, mỗi người dân sự tự do và tự chủ, vốn là đặc tính vô cùng quý báu trong bản chất của loài người. Tệ hơn, nó còn triệt tiêu cả cơ hội xây dựng và phát triển sự tự do điều chỉnh và kiểm tra tự động lẫn nhau của chính cơ chế xã hội. Bản thân Mác và những người theo ông tự cho mình đã tìm ra được chân lý và qui luật duy nhất đúng về sự hình thành và phát triển của con người và xã hội. Họ đã tự cho mình cái quyền triệt tiêu mọi cơ hội cho sự tìm tòi và phát triển chân lý và quy luật khác. Họ đã thiết lập nên một cơ chế xã hội sơ cứng, máy móc và tàn bạo, nuôi người và trị người như sắt với muối trong phòng thí nghiệm, như ong với kiến ngoài thiên nhiên. Kết quả là cơ chế xã hội đó phải bị chính con người trong cơ chế đó đào thải, và trong thực tế chế độ cộng sản đã bị sụp đổ bởi chính những người cộng sản đã tinh ngộ, và ngay tại chính trung tâm quốc tế của nó.

Lý do căn bản của sự sai lầm tai hại này chính vì Mác cho rằng con người được tự nhiên (Nature) và xã hội qui định trước khi có thể qui định lại tự nhiên và xã hội, đồng thời môi trường xã hội là yếu tố quyết định không những bản thân mỗi cá nhân mà ngay cả hành xử của mỗi cá nhân với người khác và với thiên nhiên. Bị ảnh hưởng bởi những khám phá còn rất thô sơ của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội vào giữa thế kỷ XIX, Mác đã

không thấy rằng con người từ tự nhiên mà ra, cũng thuộc loài sinh vật, nhưng lại được thiên nhiên phú bẩm cho khả năng đặc thù. Đó là khả năng tách ra khỏi tự nhiên, điều chỉnh lại tự nhiên và xây dựng lại cuộc sống chung để chuyển từ bầy đoàn theo tự nhiên sang xã hội loài người, khác với bầy đoàn ong kiến.

Sự khác biệt đó giữa con người với thiên nhiên và với các loài sinh vật khác là một sự khác biệt rất căn bản và quyết định. Nó giải thích không những tại sao con người không ngừng tiến hoá mà tiến hóa ngày một nhanh hơn và nhiều hơn. Nó cũng cho thấy không những xã hội là sản phẩm không ngừng được cải tiến bởi con người và cho con người, mà ngay cả tự nhiên có con người can thiệp vào cũng không ngừng được cải tiến bởi con người và cho con người, khác hẳn với khu vực tự nhiên chưa có sự khám phá và can thiệp của con người --kể cả tự nhiên ngoài vũ trụ lẫn tự nhiên trong mỗi con người và trong xã hội (các hiện tượng tự phát). Khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, qua nhiều ngành nghiên cứu ngày một đa dạng và vi tế hơn, đã và đang đạt được những khám phá sâu rộng về tự nhiên và xã hội. Những khám phá này cung cấp cho nhân loại những kiến thức, khả năng và khí cụ thực tiễn để cải thiện ngày một hữu hiệu hơn mọi mặt đời sống con người, từ cá nhân, tới xã hội và toàn thể nhân loại.

Tất nhiên khoa học thời Mác chưa thể cung cấp cho Mác những hiểu biết chính xác và vi tế về tự nhiên, con người và xã hội. Do đó, Mác đã có những nhận định sai lầm căn bản về tính chất đặc thù cũng như mối quan hệ hỗ tương của ba phạm trù tư duy nền tảng này. Những nhận thức sai lầm đó đã dẫn tư tưởng Mác xa rời thực tại đời sống con người. Và khi, bằng độc đoán và bạo lực, đem áp đặt những sai lầm này vào việc xây dựng đời sống con người, các đệ tử của Mác đã gây nên bao đau khổ cho hàng triệu cá nhân, và hàng chục dân tộc. Sai lầm văn hóa quả đã gây tác hại muôn đời.

Hồ Chí Minh và các đệ tử tài giỏi của ông khi đem chủ nghĩa Mác-Lê truyền bá vào Việt Nam đã tạo được khí thế mới cho cuộc chiến đấu giành độc lập dân tộc lúc đó đang bế tắc. Họ đã thành công trong việc gắn liền nỗi nhục mất nước vào cảnh cùng khổ của người dân, đặc biệt là nông dân. Nhờ đó đã kích động và lôi cuốn được đa số nhân dân, những người không có gì để mất, ngoài chính sinh mạng vốn đã rất khốn khổ của họ. Nhưng, cũng giống như sự thành công của Lê-nin ở Nga Sa-Hoàng đã chứng thực cho sự sai lầm của sử quan Mác, sự thành công của Hồ Chí Minh và đảng CSVN đã chứng thực cho sự nguy hại của mô hình chính trị và kiến thiết của Lê-nin và đệ tử của ông, đặc biệt là Staline. Việt Nam vào đầu thế kỷ XX là một nước lầm than nghèo khổ, mất chủ quyền và không có tự do. Việt Nam vào cuối thế kỷ XX vẫn không có tự do và vẫn lầm than nghèo khổ vào loại nhất nhì thế giới. Nền độc lập đã dành được sau ba thập niên chiến tranh, chết

chóc và đổ nát, chẳng còn mấy ý nghĩa khi người dân vẫn nghèo khổ và vẫn chưa có quyền tự do quyết định vận mệnh chung của đất nước và vận mệnh riêng của mình. *Đảng CSVN đã thành công trong việc dành được độc quyền cai trị đất nước nhưng nhân dân Việt Nam đã thất bại trong việc tranh đòi lại độc lập, tự do và hạnh phúc chân chính cho mình và cho dân tộc.*

Ngày nay, sau hơn 20 năm nắm trọn vẹn quyền cai trị toàn thể đất nước, đảng CSVN đã thất bại trong việc thực hiện những hứa hẹn mà họ đã đưa ra khi kích động dân chúng lao vào cuộc chiến tranh khốc liệt. Trước sự đổi thay to lớn của tình hình thế giới ngoài sự dự liệu của tất cả những người cộng sản trên thế giới, đảng CSVN đã dần dần mất đi những thế mạnh của họ. Năm 1990 tôi đã phân tích thực trạng này như là tiền đề cho cuộc vận động dân chủ ở Việt Nam<sup>3</sup>. Ở đây tôi chỉ xin nói tóm lược lại như sau.

Chế độ cộng sản có ba sức mạnh. Sức mạnh thứ nhất là chi phối dạ dày, bao tử của người dân qua nền kinh tế chỉ huy, qua kinh doanh độc quyền và chế độ tem phiếu, phân phối lương thực thực phẩm. Nền kinh tế thị trường tước mất của đảng thế mạnh này. Chính vì vậy mà chính quyền cộng sản ở Việt Nam đã tìm cách vừa áp dụng những lợi điểm của kinh tế thị trường, vừa duy trì khu vực quốc doanh để bảo vệ phần nào thế mạnh của đảng. Tuy nhiên áp lực của tình thế “tụt hậu” và của xu thế kinh tế thương mại tự do toàn cầu ngày càng đẩy lùi các yếu tố cuối cùng còn sót lại của nền kinh tế quốc doanh và đang tước hết vũ khí kinh tế của đảng CSVN.

Sức mạnh thứ hai là cầm nắm đầu óc và tư tưởng của người dân thông qua độc quyền văn hóa, thông tin và tư tưởng. Tự do báo chí, tự do ngôn luận và tự do truyền thông sẽ phá vỡ sức mạnh này. Trước xu thế toàn cầu hóa, trước sức mạnh không thể cản nổi của cuộc cách mạng thông tin điện tử hiện nay và tương lai, không một quốc gia nào có thể chống lại được chính sách mở cửa, chấp nhận tự do giao thương, tự do truyền thông, giao lưu văn hóa. Độc quyền văn hóa, tư tưởng, ngôn luận, thông tin của đảng CS hiện đang bị đe dọa nghiêm trọng. Ngày càng có nhiều người ở trong nước, kể cả những cán bộ cộng sản, đứng lên công khai đòi quyền tự do ngôn luận, tự do thông tin. Internet, và các chương trình phát thanh bằng tiếng Việt của các đài quốc tế, mà ngày nay không còn cấm đoán được nữa, đang ngày càng tác động lên người dân, và cả đảng viên. Họ đang được mở rộng tầm nhìn ra thế giới và nhân loại, nhất là giới trẻ, hiện chiếm hơn một nửa dân số. Họ đang có nhiều cơ hội tiếp cận với những hiểu biết và tư tưởng ngày một phong phú và mới lạ hơn, làm cho chủ nghĩa Mác và những thông tin tuyên truyền của đảng mất hết sức mạnh độc quyền trước đây.

---

<sup>3</sup> Sdd, tr. 30-32.

Sức mạnh thứ ba của chế độ cộng sản là tổ chức đảng và công an. Đây là khu vực mà tới nay ban lãnh đạo đảng CS vẫn còn sử dụng được khá hữu hiệu để bảo vệ chế độ. Tuy nhiên ngay sức mạnh này cũng đang bị thử thách nghiêm trọng trước áp lực của tình thế và của can thiệp quốc tế, và trước ngay sự lung lay niềm tin và hủ hóa của các cán bộ đảng viên. Hơn nữa các yếu tố tương phản ngày càng gia tăng ngay trong lòng chế độ: những mâu thuẫn nông thôn-thành thị, giàu-nghèo, trí thức-lao động, Bắc-Nam, CS-không CS, bảo thủ-cấp tiến, thật tâm vì nước-chỉ vì tư lợi, tôn giáo-CS... Trước thực tế đó, và với những diễn biến kinh tế xã hội cả quốc nội lẫn quốc tế ngày một gia tốc, bạo lực đảng trị và công an trị còn được sức mạnh đến mức độ (các) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) (11) (12) (13) (14) (15) (16) (17) (18) (19) (20) (21) (22) (23) (24) (25) (26) (27) (28) (29) (30) (31) (32) (33) (34) (35) (36) (37) (38) (39) (40) (41) (42) (43) (44) (45) (46) (47) (48) (49) (50) (51) (52) (53) (54) (55) (56) (57) (58) (59) (60) (61) (62) (63) (64) (65) (66) (67) (68) (69) (70) (71) (72) (73) (74) (75) (76) (77) (78) (79) (80) (81) (82) (83) (84) (85) (86) (87) (88) (89) (90) (91) (92) (93) (94) (95) (96) (97) (98) (99) (100)

thế và của bên ngoài, đồng thời có đủ nhân sự lãnh đạo có bản lĩnh và tâm huyết muốn và dám thực hiện. Cho đến nay chúng ta chưa thấy có đủ các điều kiện đó.

2/ Bạo loạn và bị lật đổ: khả năng này lúc nào cũng âm ỷ, trong quá khứ đã từng xảy ra, nhưng có đủ mạnh để lật đổ được chế độ hay không, thì tới nay chúng ta vẫn chưa thấy. Tuy nhiên chúng ta cần theo dõi sát tình hình, đặc biệt là ở nông thôn miền Bắc và miền Trung, và ở các thành phố lớn. Chúng ta cần xem cái khoảng cách giữa khát vọng dân sinh của quần chúng với chính sách đường lối của chính quyền có thu hẹp được không hay ngày càng cách xa để có thể dẫn đến mâu thuẫn xung đột và bùng nổ. Trường hợp này bao gồm cả đảo chánh nội bộ.

3/ Chiến tranh khu vực, liên quan tới sự bành trướng thế lực của Tàu. Không nên coi nhẹ khả năng này vì cho tới nay chưa thấy có một cơ chế quốc tế nào có triển vọng giải quyết được một cách nền tảng và vững chắc tình trạng căng thẳng tại vùng biển Hàn quốc, Đài Loan, vùng biển Đông, và cả khu vực Nam Á (Pakistan-Ấn Độ). Chiến tranh cũng là cơ hội để giải quyết cả vấn đề chế độ cộng sản tại khu vực này, lẫn vấn đề riêng của nước ta với Trung Hoa. Tất nhiên đây là phương cách xấu nhất, không ai mong muốn, dù không thể loại trừ khả năng có thể xảy ra.

Ban lãnh đạo đảng CSVN hiện đang phải đối diện với những vấn đề sinh tử không những riêng cho đảng CS mà cho cả tương lai đất nước. Họ phải chịu trách nhiệm về việc đã đưa dân tộc vào con đường cụt cộng sản. Và ngày nay họ cũng có trách nhiệm trước lịch sử và dân chúng từ bỏ con đường cụt này để mở đường thoát cho dân tộc. Hầu hết những nhà lãnh đạo tại các nước cộng sản trên thế giới đã có can đảm đó và nhờ vậy dân tộc họ đã hòa nhập được vào dòng tiến hóa chung của nhân loại. Ban lãnh đạo CSVN cũng phải có đủ can đảm như thế, và cần mau chóng cùng những người yêu nước trong nước cũng như hải ngoại thực hiện một cuộc *đổi thoai dân tộc*, trong tinh thần tôn trọng khác biệt để cùng nhau tìm giải pháp thoát khỏi tình trạng bế tắc hiện nay của đất nước trước khi nguy cơ rối loạn xã hội bùng nổ không gì ngăn cản được. Những nhà lãnh đạo đảng CSVN hiện nay không có con đường lựa chọn nào khác nếu không muốn bị lịch sử và toàn dân đào thải ra khỏi tiến trình phát triển tương lai của đất nước.

(4.1999)

## **VỀ CHỦ TRƯỞNG “BA ĐẠI DIỆN” CỦA GIANG TRẠCH DÂN**

Gần đây dư luận bàn tán nhiều về quyết định táo bạo của ông Giang Trạch Dân khi mở cửa đảng Cộng sản Trung Quốc cho thành phần doanh nhân được gia nhập. Quyết định này nằm trong một chủ trương mới, chủ trương “ba đại diện”. Ngoài thành phần vô sản, đảng Cộng sản Trung Quốc sẽ có thêm hai thành phần mới là trí thức và doanh nhân. Tại sao ông Giang Trạch Dân lại đưa ra chủ trương “ba đại diện”?

Như chúng ta đều biết chủ nghĩa Mác từ ngày ra đời tới nay đã nhiều lần bị tu chính. Lê-nin đưa ra chủ trương có thể bỏ qua giai đoạn tư bản để xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa như một giai đoạn quá độ lên xã hội cộng sản. Các đảng cộng sản tại những nước tư bản chủ trương đấu tranh chính trị nghị trường thay vì đấu tranh cách mạng bạo động. Đáng chú ý nhất là những tu chính của đảng Cộng Sản Trung Quốc. Mao Trạch Đông chủ trương lấy nông dân làm lực lượng cách mạng và đưa ra thuyết mâu thuẫn thay đổi tùy tình thế. Đặng Tiểu Bình đưa Trung Quốc vào giai đoạn phát triển với chính sách “bốn hiện đại hóa” và chủ trương thực dụng (mèo nào cũng tốt miễn là bắt được chuột). Và giờ đây đến lượt Giang Trạch Dân và lớp lãnh đạo mới của Trung Quốc với những lý luận chính trị mới dựa trên cơ sở những thành quả của chương trình cải cách của Đặng Tiểu Bình.

Để chính quyền và chế độ tồn tại được, dù là chế độ mang danh nghĩa gì, cũng phải phát triển được kinh tế, nâng cao được đời sống của người dân. Mà để phát triển kinh tế thì hệ thống kinh tế chỉ huy đã thất bại, bắt buộc phải áp dụng nền kinh tế thị trường, trong đó có vai trò quan trọng của doanh nhân. Đảng cộng sản vẫn thường đưa ra khẩu hiệu đảng viên phải “vừa hồng vừa chuyên”. “Chuyên” bây giờ là phát triển kinh tế, là làm ăn buôn bán có hiệu quả, là doanh nghiệp. Nếu đảng viên không được làm doanh nghiệp, và doanh nhân không được vào đảng, thì làm sao trong đảng có “chuyên”? Làm sao đảng đủ năng lực để lãnh đạo việc phát triển kinh tế? Hơn thế nữa, Trung Quốc lại sắp gia nhập WTO, và hội nhập thế giới, phải chuẩn bị để đủ sức cạnh tranh trên thị trường toàn cầu. Thị trường toàn cầu có những qui luật khách quan mà nước nào cũng phải tuân thủ. Qui luật đó đơn giản là cạnh tranh bình đẳng và tự do. Phẩm chất hàng hóa và giá cả quyết định lời lỗ. Không thể có ưu tiên và “bao cấp”. Rõ ràng là một nước không thể phát triển được nếu không nhanh chóng hội nhập vào cộng đồng kinh tế thương mại toàn cầu này. Không thể đứng ngoài “cuộc chơi” này mà

thoát khỏi tụt hậu được. Đó là những lý do khiến ông Giang Trạch Dân phải nhanh chóng tu chỉnh đường lối, lần này liên quan tới chính thành phần đảng viên đảng cộng sản.

Theo kinh điển, đảng cộng sản là đảng của giai cấp công nhân. Hai thành phần nông dân và trí thức là hai thành phần liên minh của giai cấp công nhân, và chịu sự lãnh đạo của giai cấp này. Thành phần tư sản là thành phần phải bị loại bỏ. Ngày nay, thực tế xã hội đã khác hẳn. Thành phần tư sản và thành phần trí thức đang trở thành quan trọng nhất, tác động trực tiếp và có tính quyết định vào sự phát triển kinh tế, một nền kinh tế đã được gọi là kinh tế tri thức toàn cầu. Trước tình hình đó mô hình đảng cộng sản cũ không còn thích hợp nữa. Rõ ràng là nếu muốn tiếp tục tồn tại như một nhân tố tích cực, hơn nữa lại là nhân tố lãnh đạo, đảng cộng sản phải tự điều chỉnh để đại diện được toàn xã hội, trong đó có những người trí thức (mà Giang Trạch Dân gọi là “nền văn hóa tiên bộ”) và những nhà doanh nghiệp (“các lực lượng sản xuất tiên tiến”), để từ đó phát huy được sức mạnh của toàn thể xã hội để phát triển đất nước. Có lẽ nhiều cán bộ đảng viên cộng sản đã nhận ra thực tế này. Vấn đề là có đủ tầm nhìn và bản lĩnh để thực hiện hay không. Ông Giang Trạch Dân chứng tỏ đã có đủ tầm nhìn và bản lĩnh đó khi đưa ra chủ trương “ba đại diện” để cải tổ đảng cộng sản.

Tại sao ông Giang Trạch Dân lại đưa ra quyết định đó vào lúc này? Chỉ còn một năm nữa là đại hội đảng CS Trung Quốc lần thứ 16. Trung Quốc cũng có nhiều triển vọng gia nhập WTO trong thời gian ngắn sắp tới. Bắc Kinh lại vừa được chọn đăng cai Olympic 2008. Điều này cho thấy môi trường quốc tế đã thuận lợi để Trung Quốc hội nhập cộng đồng nhân loại toàn cầu. Hội nhập hay không là tùy ở Trung Quốc, nhưng ngày nay hội nhập kinh tế toàn cầu là điều bắt buộc để phát triển đất nước. Vấn đề còn lại là Trung Quốc (và cả Việt Nam) đã chuẩn bị sẵn sàng để hội nhập chưa. Tất cả những yếu tố đó thúc đẩy Trung Quốc phải cải cách nhanh và mạnh hơn nữa, cả kinh tế lẫn chính trị và văn hóa tư tưởng. Nếu không Trung Quốc sẽ bị động trước sóng trào thời đại về kinh tế, thương mại và văn hóa toàn cầu tràn vào Trung Quốc. Và đảng cộng sản sẽ bị động trước sức phát triển ngày một năng động hơn của thành phần doanh nhân, thành phần xã hội mới ra đời nhờ cơn sóng trào không gì ngăn cản được đó. Đưa ra quyết định cải tổ đảng cộng sản lúc này có thể là đã muộn nhưng chưa phải là quá muộn. Ông Giang Trạch Dân chắc đang tích cực chuẩn bị lớp lãnh đạo kế thừa có đủ tầm nhìn và bản lĩnh bằng hay hơn ông để đảm đương được công việc này, một việc dù đầy khó khăn và bất trắc nhưng không thể tránh được.

Quyết định của ông Giang Trạch Dân gây chấn động trong nội bộ đảng CS Trung Quốc. Như chúng ta đã thấy vừa đưa ra quyết định chấp nhận doanh nhân vào đảng ông Giang Trạch Dân đã gặp sự chống đối ngay trong



đảng. Sự chống đối là tất nhiên, và có thể xuất phát từ hai quan điểm, một vì lý tưởng cộng sản, và hai vì quyền lợi chính trị. Những đảng viên lão thành có thể chống đối vì lý tưởng, còn những đảng viên trẻ hơn, nhất là những người đang có đặc quyền đặc lợi, chống đối vì quyền lợi chính trị. Thành phần chống đối vì lý tưởng vừa ít vừa yếu. Lý tưởng cộng sản theo kiểu giáo điều chần chẫn không còn hấp dẫn được nhiều người. Thành phần này lại già yếu và không còn cầm quyền. Riêng thành phần chống đối vì quyền lợi chính trị, quen với đặc quyền đặc lợi, sợ sẽ bị thành phần doanh nhân ngày càng nhiều trong xã hội, khi gia nhập đảng, sẽ chiếm lĩnh mất quyền lãnh đạo đảng. Việc ông Giang Trạch Dân thắng tay với cả hai thành phần chống đối này cho thấy ông ta đã quyết định dứt khoát rằng đảng cộng sản Trung Quốc không còn con đường nào khác nếu muốn duy trì được vai trò lãnh đạo đất nước, và nhất là giữ được niềm tin của quần chúng. Ông quyết tâm đưa đảng cộng sản vào thời kỳ mới. Ông còn tại chức tới năm 2003, do đó tin rằng có đủ thời gian để củng cố thành phần lãnh đạo mới cho một đảng cộng sản Trung Quốc mới.

Sau đại hội 16 xảy ra vào sang năm một đảng Cộng sản Trung Quốc mới sẽ ra đời. Đảng này sẽ như thế nào? Nó sẽ là một đảng chính trị cầm quyền, mang màu sắc dân chủ xã hội, kiểu Trung quốc. Kiểu Trung quốc ở đây được hiểu theo truyền thống chính trị quan phương tiếp nối từ thời quân chủ. Đó là một hình thức dân chủ chỉ huy, nói theo khái niệm chính trị ngày nay. Trong thời quân chủ, chính quyền là sự kết hợp bởi “thiên mệnh” (đại diện bởi nhà vua) và trí thức (quan lại, được tuyển chọn từ người dân qua thi cử). Ngày nay đảng lãnh đạo mọi mặt xã hội. Nhưng với cải tổ của Giang Trạch Dân, điều khác với trước đây sẽ là, đảng và chính quyền sẽ được điều hành bởi *một tập hợp chính giới* (chính ủy) với *doanh giới* (doanh nhân). Hai bên sẽ cộng tồn để điều hành đất nước. *Luật pháp và thị trường, chứ không phải “thiên mệnh” hay nghị quyết chính trị, sẽ là yếu tố quyết định giữ cho xã hội vừa ổn định vừa phát triển, vừa hội nhập thế giới.* Các qui luật phát triển kinh tế thị trường nói riêng, và các qui luật phát triển xã hội nói chung, mang tính khoa học khách quan, sẽ thay thế chủ nghĩa Mác, dù trên danh nghĩa chế độ và đảng cầm quyền có còn được gọi là cộng sản nữa hay không.

Trong hệ thống chính trị mới này, luật pháp đóng vai trò quan trọng. Hệ thống luật pháp trong giai đoạn đầu phải thật sự là pháp quyền (rule by law), nghĩa là *mọi người dân* đều bình đẳng trước pháp luật. Giai đoạn sau, khi xã hội phát triển cao hơn và rộng khắp hơn, hệ thống này phải chuyển được từ pháp quyền (rule by law) sang pháp trị (rule of law), nghĩa là *mọi người* (kể cả người cầm quyền cao nhất nước) đều bình đẳng trước pháp luật. Không ai có thể đứng trên và đứng ngoài pháp luật. Có thể hệ thống chính trị mới này mới tránh được tình trạng câu kết giữa tài phiệt với chính

phiệt, dẫn đến tan rã trong bạo loạn. Và nếu tránh được thảm họa này xã hội sẽ chuyển tiếp êm đẹp được từ chế độ độc tài độc đảng sang chế độ dân chủ pháp trị đa đảng.

*Lộ trình dân chủ hóa sẽ như sau: giai đoạn một, chuyển từ độc tài toàn trị sang độc tài pháp quyền; giai đoạn hai, từ độc tài pháp quyền sang dân chủ pháp trị. Thiết lập cơ chế kinh tế thị trường là giai đoạn chuyển tiếp giữa hai giai đoạn. Đây là trường hợp đã xảy ra ở Nam Hàn, Đài Loan, nhất là Đài Loan, một trường hợp chuyển từ độc tài sang dân chủ thành công êm đẹp nhất. Giai đoạn chuyển tiếp này ở Đài Loan mất khoảng 25 năm. Nam Hàn mất khoảng 15 năm, nhanh hơn, nhưng phải qua một giai đoạn xáo trộn ngắn. Trung Quốc và Việt Nam có thể rút ngắn hơn nữa nhờ toàn cầu hóa đã hình thành cả trong kinh tế thương mại lẫn văn hóa và chính trị, dù hai lãnh vực sau chưa mạnh và rộng khắp bằng kinh tế thương mại. Vấn đề là giới lãnh đạo có đủ bản lĩnh và tầm nhìn để quyết tâm và dứt khoát tiến hành ngay lộ trình này không.*

Tình hình chính trị-xã hội ở Trung Quốc phức tạp hơn ở Việt Nam nhiều và có nhiều yếu tố bất ngờ không lường trước được. Hiện đang tồn tại nhiều ẩn số trong bài toán Trung Quốc. Liệu Trung Quốc có ổn định được chính sách đối ngoại nói chung, chính sách an ninh khu vực và Đài Loan nói riêng, hay không? Hai thành phần chính giới và doanh giới có cộng tồn được không? Hay nói cách khác, có còn chính giới thuần túy, không phải đồng thời là doanh giới, hay không? Và quyền lực của đảng, của chính phủ, sẽ nằm ở giới nào? Câu hỏi lớn nhất sẽ là: những người tiếp nối sự nghiệp của hai ông Đặng Tiểu Bình và Giang Trạch Dân có đủ bản lĩnh để đưa Trung quốc vào kỷ nguyên mới, dân chủ và phát triển bền vững trong đại gia đình A Châu- Thái Bình Dương hòa bình ổn định hay không. Bản lĩnh này tùy thuộc vào Tầm Nhìn của họ về Trung quốc cũng như về khu vực và thế giới có xa dài, phù hợp xu thế ra đời một cộng đồng nhân loại toàn cầu không. Thiếu Tầm Nhìn và Bản lĩnh này sẽ dẫn đến bế tắc, phân rẽ và bạo loạn xã hội. Chính vì muốn tránh tai họa này và mở đường cho Trung quốc tiến vào thời đại mới mà Giang Trạch Dân đã đưa ra quyết định táo bạo hiện nay. Chắc chắn Trung Quốc sẽ còn cần nhiều quyết định cách mạng hơn nữa trong những năm tới.

Trở về với Việt Nam, quyết định của Giang Trạch Dân sẽ tác động như thế nào đến đảng Cộng Sản Việt Nam? Ban lãnh đạo đảng CSVN cần nhìn nhận vấn đề này như thế nào và cần làm gì để có lợi cho đất nước?

Đảng CSVN cũng ở trong tình trạng như đảng CS Trung quốc. Dù cải cách kinh tế chậm hơn Trung quốc vì còn nằm trong khối Liên Xô, Việt Nam cũng đã phải chấp nhận nền kinh tế thị trường, cho phép phục hồi lại kinh doanh tư nhân sau khi khối này sụp đổ. Bản Hiến Pháp 1992 chính thức

công nhận nền kinh tế tư nhân, dù cho tới nay kinh tế tư nhân vẫn ẹt ọt vì kinh tế quốc doanh vẫn chiếm vị trí ưu tiên và “chủ đạo”. Hiện nay Việt Nam đang phải chuẩn bị để bước vào giai đoạn mới, giai đoạn sau khi Hiệp Ước Thương Mại Việt-Mỹ được thi hành, cùng với viễn ảnh gia nhập WTO và khu vực thị trường tự do Đông Nam Á. Hiến Pháp 1992 đang được thay đổi để chuẩn bị cho tình hình mới này, mà chủ yếu là tạo cơ sở pháp lý cho việc áp dụng nền kinh tế thị trường thật sự trong đó ba thành phần kinh tế tư nhân, quốc doanh và quốc tế đều phải được phát triển bình đẳng và tự do như nhau, không thể tồn tại chế độ “chủ đạo” và ưu đãi cho các xí nghiệp quốc doanh. Và tất nhiên “định hướng xã hội chủ nghĩa” nếu còn phải giữ như một thứ “thể diện” thì trong thực chất cũng chỉ còn có nghĩa là “phát triển một cách công bằng và bền vững” như chủ trương của mọi nước tiên tiến khác trên thế giới mà thôi.

Đảng CS Việt Nam chắc chắn cũng phải thay đổi cho phù hợp với tình hình mới. Chắc chắn sẽ còn nhiều ngần ngại nhưng ban lãnh đạo đảng cộng sản cần phải quyết đoán. Cần rút kinh nghiệm của việc ký kết Thỏa Ước Thương Mại Việt-Mỹ. Không nên đợi Trung quốc làm rồi mình mới làm. Mọi sự chậm trễ vào lúc này chỉ thêm thiệt thòi và làm mất đi cơ hội phát triển. Đất nước ta đã bị mất nhiều cơ hội rồi, đã bị tụt hậu lâu quá rồi. Dù đứng trên bất cứ quyền lợi nào cũng thấy cần phải nhanh chóng thay đổi cả trong kinh tế lẫn chính trị. Đứng trên quyền lợi dân tộc thì Việt Nam là một nước nhỏ, có thể chuyên đổi dễ dàng hơn Trung quốc. Việt Nam lại ở vào một vị thế thuận lợi, vừa là thành viên của Đông Nam Á, vừa là cửa ngõ giao lưu giữa Trung quốc cũng như giữa Đông Bắc Á với Đông Nam Á. Nhưng đất nước vẫn sẽ là một nước nghèo nàn nhất thế giới nếu cương lĩnh phát triển kinh tế 10 năm tới đây của đảng cộng sản tiếp tục được thực hiện, ngay cả khi chỉ tiêu 800 đô la một đầu người có đạt được vào năm 2010. Chỉ tiêu kinh tế này là một chỉ tiêu quá thấp và quá chậm so với tiềm năng của người dân và của đất nước và so với với tốc độ phát triển như vũ bão của thế giới và khu vực. Về phía người dân thì ngày nay đảng nào, cá nhân lãnh đạo nào đem lại no ấm, tự do, hạnh phúc cho họ thì họ sẽ ủng hộ, ngược lại họ sẽ phản đối, bất kể đảng đó, cá nhân đó nhân danh bất cứ gì. Trong chiến tranh chống ngoại xâm người dân có thể sẵn sàng hy sinh tất cả cho độc lập của Tổ quốc. Nhưng trong hòa bình xây dựng họ không thể hy sinh như thế nữa mà đòi hỏi phải được thụ hưởng, và họ có quyền đòi hỏi như thế, sau bao đau thương mất mát. Về phía chính những người cộng sản họ khó có thể tiếp tục tự cho mình quyền lãnh đạo đất nước nếu không chứng tỏ khả năng đưa được đất nước ra khỏi nghèo nàn lạc hậu. Mà không thể phát triển được đất nước nếu không huy động được sự hỗ trợ quốc tế và tiềm năng của toàn dân, cả trong nước lẫn hải ngoại. Nhưng đường lối chính trị và văn hóa độc quyền hiện nay của đảng cộng sản không thể phát huy được tiềm năng đó.

Do đó, vì quyền lợi của đất nước, vì quyền lợi của người dân và vì quyền lợi của chính đảng cộng sản, ban lãnh đạo đảng cần nhanh chóng có những quyết định thật sự cách mạng như hoặc hơn quyết định của ông Giang Trạch Dân. Vị thế Việt Nam hiện nay cho phép có được những quyết định cách mạng hơn quyết định của ông Giang Trạch Dân rất nhiều.

Văn hóa tự do, kinh tế thị trường và chính trị dân chủ pháp trị là ba xu thế không thể đảo ngược. Trung quốc cũng như Việt Nam trước sau gì cũng phải đi vào ba xu thế đó. Đi nhanh và đồng bộ thì người dân được hưởng sớm hơn. Đi chậm và thiếu đồng bộ thì nguy cơ mất quân bình và rối loạn xã hội sẽ khó thể tránh được.

Có ba điểm mà những người quan tâm tới tương lai Việt Nam, dù ở vị thế nào, dân chủ hay cộng sản, trong nước hay hải ngoại, đều cần chia sẻ. Một là, vai trò quan trọng hàng đầu của người trí thức trong việc hoạch định chính sách quốc gia, giúp những nhà chính trị và những doanh nhân, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế tri thức toàn cầu hiện nay. Vai trò này chưa được ông Giang Trạch Dân chú ý tới trong mô hình “ba đại diện” của ông. Thiếu sót này có nguy cơ dẫn đến câu kết hoặc tranh quyền giữa chính phiệt và tài phiệt. Cả hai trường hợp này đều dễ dẫn đến bất công và rối loạn, làm chậm lại tiến trình dân chủ và phát triển.

Hai là, trong đường lối đối ngoại, Việt Nam cần xác định rõ được vị thế và vai trò chiến lược đặc thù và thích hợp của mình trong vùng Đông Nam Á và Á Châu-Thái Bình Dương, vừa vì quyền lợi riêng của Việt Nam, vừa góp phần vào việc tạo ra kỷ nguyên Á Châu-Thái Bình Dương trong thế kỷ XXI. Với vị trí địa lý chiến lược đặc biệt nằm qua hàng ngàn năm kinh nghiệm ứng phó để tồn tại trước mọi biến động trong khu vực và trên thế giới, dân tộc ta đã hun đúc được một khả năng đặc thù, khả năng hội nhập và dung hóa mọi nền văn hóa và giáo phái nhau du nhập vào nước ta. Khả năng này rất thích hợp với thời đại toàn cầu hóa, giúp nước ta hội nhập dễ dàng vào một cộng đồng thế giới và khu vực đã văn hóa đang ra đời. Ba là, như vừa trình bày ở trên, Việt Nam có vị thế thuận lợi hơn Trung quốc trong việc tìm đường lối TT4v 2□ \* / 1/ 5

đạo đức, văn hóa, giáo dục và xã hội đều suy thoái, cả nước đang biến thành thị trường tiêu thụ cho hàng hóa ngoại nhập. Bản sắc và vị thế đặc thù của dân tộc trong khu vực và trong cộng đồng nhân loại đang bị đe dọa trầm trọng trước trào lưu cạnh tranh tự do toàn cầu hóa trên mọi mặt đời sống từ tinh thần đến vật chất.

Không một cá nhân, đoàn thể nào quan tâm tới tiền đồ đất nước có thể chần chừ được nữa, đặc biệt là những người cầm quyền đang chịu trách nhiệm trực tiếp trước quốc dân và lịch sử. Ban lãnh đạo cộng sản hiện nay cần nhanh chóng và dứt khoát thay đổi đường lối một cách triệt để và toàn diện trước khi quá muộn. Bế tắc lớn hiện nay của đất nước không thể giải quyết được bằng những lối suy nghĩ và hành động đóng cũi, đàng tranh cũ. Bế tắc của đất nước chỉ giải quyết được bằng một tầm nhìn xa dài, đặt quyền lợi dân tộc lên trên quyền lợi tư đảng, đặt vị thế và triển vọng của dân tộc trong xu thế tiến hóa chung của thời đại và nhân loại. Chỉ bằng một tầm nhìn như thế mọi thành phần khác nhau trong đại gia đình dân tộc mới vượt qua được những khác biệt, chấp nhận và tôn trọng nhau, cùng nhau đưa đất nước ra khỏi bế tắc hiện nay, để mọi người Việt không phân biệt bất cứ vì lý do gì đều được chung hưởng một đời sống tự do, no ấm và hạnh phúc.

*(18/8/2001)*

## **Từ Cái Chết Của Trần Độ Đến Tương Lai Đảng CS Việt Nam**

Hiện nay cuộc vận động dân chủ ở trong nước đã trở nên công khai và do nhiều cán bộ, đảng viên cộng sản lão thành và trí thức trẻ chủ trương. Cụm trung tướng Trần Độ, trong nhiều năm nay, từ một cán bộ lãnh đạo cộng sản cao cấp, đã trở thành một người tiêu biểu cho phong trào dân chủ trong nước. Ngày 9 tháng 8 vừa qua ông đã qua đời sau nhiều tháng lâm trọng bệnh. Cái chết của ông là một mất mát to lớn cho phong trào dân chủ trong nước, cũng như cho những người cộng sản lão thành. Tiếng nói phản kháng của ông không những giúp đẩy cuộc vận động dân chủ trong nước sang một giai đoạn vững mạnh, mà còn ảnh hưởng to lớn đến chính đảng cộng sản. Tôi tin rằng ông Trần Độ đã nêu một tấm gương sáng cho những người cộng sản chân chính. Tôi muốn nhấn mạnh chữ “chân chính” với ý nghĩa là theo cộng sản vì lý tưởng, chứ không phải vì danh lợi. Những người cộng sản chân chính tất nhiên không thể làm ngơ khi thấy rằng con đường cộng sản mà họ đã tin theo nay trở thành con đường bế tắc, và những người lãnh đạo họ nay đang phản lại chính những lý tưởng mà vì đó họ đã tận tụy hy sinh. Tôi tin rằng cái chết của ông Trần Độ sẽ tạo một khúc quanh mới không những cho phong trào dân chủ trong nước, mà cho chính phong trào cộng sản Việt Nam trong thời gian tới. Những người dân chủ trong nước, bất luận xuất thân từ quá khứ nào, đang có những thuận lợi chính trị và tư tưởng để đẩy cuộc vận động dân chủ sang một giai đoạn công khai có tổ chức. Còn những người cộng sản, đồng tình hay không đồng tình với đường lối lãnh đạo hiện nay, đều đang phải đối diện với những thách đố nghiêm trọng cho tương lai của đảng cộng sản nói riêng và con đường phát triển đất nước theo chủ nghĩa cộng sản nói chung. Bản thân cái chết “không thanh thản” của một người cộng sản lão thành như Trần Độ là một thách đố cho tương lai của chính đảng cộng sản và chủ nghĩa cộng sản tại Việt Nam.

Tình hình nước ta trong hơn nửa thế kỷ qua gắn liền với sự hình thành và phát triển của đảng CSVN. Mà đất nước thân yêu của chúng ta, trong hơn nửa thế kỷ qua, là một đất nước đầy bom đạn, chết chóc, hận thù, nghèo nàn lạc hậu và độc đoán. Từ 1975 tới nay, bom đạn đã hết nhưng hận thù, lạc hậu và độc đoán vẫn còn. Đó là một điều bất hạnh lớn cho dân tộc. Nếu có thể “làm lại” được lịch sử chắc chúng ta không ai muốn đất nước phải trải qua một thời kỳ bi thương như thế. Phải chăng những thắng lợi vinh quang của đảng cộng sản đã không phải là những vinh quang thắng lợi của dân

tộc? Vấn đề này chắc chắn sẽ gặp nhiều tranh luận nhưng càng ngày càng nhiều người tin rằng nếu cuộc chiến đấu giành độc lập không bị cột chặt vào phong trào CS quốc tế thì vận mệnh dân tộc ta đã đổi khác đi rất nhiều. Tôi chia sẻ những suy nghĩ như thế. Nhiều quốc gia trên thế giới, kể cả các quốc gia láng giềng của chúng ta, không rơi vào quỹ đạo của CS quốc tế, đã giành được độc lập từ lâu mà không phải mất nhiều thời gian và xương máu như chúng ta. Họ cũng đã có nhiều thời gian và cơ hội hơn để phát triển đất nước, và kết quả là ngày nay họ đã vượt xa chúng ta hàng mấy thập niên.

Khách quan mà nói những người Việt Nam yêu nước vào những năm 1930, 1940, trong đó có Trần Độ, khi tham gia phong trào CS đều nghĩ rằng chủ nghĩa Mác-Lê là con đường tốt nhất để giải phóng dân tộc, vừa khỏi cảnh nô lệ vừa khỏi kiếp sống nghèo đói lạc hậu. Do đó những người khởi xướng phong trào cộng sản tại Việt Nam đã tích cực vận động khối quần chúng nông dân đông đảo, kích động được lòng yêu nước cùng nỗi căm giận vì cảnh sống khốn cùng của họ, để lôi cuốn họ vào hai cuộc chiến tranh thảm khốc kéo dài suốt 3 thập niên. Khi hiểu được hậu quả nguy hại do ban lãnh đạo đảng CS gây ra cho dân tộc, những người yêu nước, trong đó có những người quốc gia không cộng sản và cả nhiều người CS, đã không ngừng tranh đấu chống lại đường lối của ban lãnh đạo cộng sản.

Ngay từ khi cuộc kháng chiến chống Pháp chưa chấm dứt, vào những năm 1950, 1951, khi Hồ Chí Minh, theo chỉ thị của Đệ Tam Quốc Tế, cụ thể là của Staline, bắt đầu gắn cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc vào cuộc đấu tranh giai cấp qua chính sách “cải cách ruộng đất”, thì nhiều trí thức và nhà văn yêu nước đã phải rời bỏ hàng ngũ kháng chiến để tạm lánh sang vùng đất do người Pháp cai trị. Từ đó lực lượng dân tộc bị chia rẽ và tình hình đất nước bị tác động mạnh mẽ bởi cuộc tương tranh lưỡng cực quốc tế. Lòng yêu nước trong sáng của hàng triệu người Việt, kể cả nhiều người cộng sản, đã bị ban lãnh đạo đảng cộng sản lợi dụng để độc chiếm chính quyền và biến nước ta thành tiền đồn cho quốc tế vô sản. Và do đó, khi đất nước còn bị chia cắt, ngoài cuộc chiến đấu chống lại cộng sản tại miền Nam, ngay tại miền Bắc dưới chế độ cộng sản, nhiều người, cả cộng sản và không cộng sản, đã bắt đầu chống đối lại đường lối của ban lãnh đạo đảng CSVN.<sup>4</sup> Đặc biệt, sau khi chế độ cộng sản sụp đổ tại Liên Xô và khối cộng sản đệ tam quốc tế tan vỡ, ngày càng có thêm nhiều người cộng sản lão thành chống đối lại đường lối của ban lãnh đạo đảng CSVN.

---

<sup>4</sup> Nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, những cá nhân như các ông Nguyễn Minh Cần, Hoàng Minh Chính, Vũ Thư Hiên, Nguyễn Chi Thiện, và hàng ngàn người dân vô danh khác.

Thực ra con đường mà ban lãnh đạo đảng CS, bằng cả bạo lực và mưu kế, muốn đẩy dân tộc vào, đã là con đường cụt ngay trong bản chất và nội dung của chủ nghĩa Mác-Lê. Thực tế đã chứng minh điều đó. Tuy nhiên, chủ nghĩa Mác đã được đảng CS tuyên truyền sâu rộng ở Việt Nam suốt thời gian mấy chục năm qua. Nó đã tác động khá sâu đậm vào phương pháp tư duy và làm việc của nhiều thế hệ. Do đó việc phê phán chủ nghĩa Mác một cách căn bản là cần thiết để làm trong sáng lại bầu không khí chính trị và văn hóa đã bị ô nhiễm bởi chính sách độc tôn văn hóa và chính trị của ban lãnh đạo đảng CSVN. Đây là một công việc mang nặng tính chất lý luận, và đòi hỏi nhiều công sức. Nó cần được thực hiện trong tinh thần thân ái, cởi mở, và khách quan, đặt quyền lợi dân tộc lên trên mọi tranh chấp phe phái nhằm hóa giải mọi khuynh hướng độc tôn tư tưởng đã và vẫn đang làm vẩn đục bầu khí chính trị và văn hóa ở Việt Nam suốt nhiều thập niên qua. Trong tinh thần đó, những yếu kém và sai lầm của mọi phía, kể cả phía quốc gia không cộng sản, đều cần được kiểm điểm một cách nghiêm chỉnh. Vì phạm vi bài viết này liên quan đến đảng cộng sản nhân cái chết của ông Trần Độ nên tôi tập trung thảo luận về con đường cộng sản tại Việt Nam, thảo luận nhằm tìm giải đáp cho vấn đề căn bản nhất của dân tộc chúng ta, đó là vấn đề văn hóa tư tưởng. Đây là vấn đề chung của dân tộc, không phải riêng của phe quốc gia hay phe cộng sản. Do đó, mọi cố gắng để nhận xét và phê phán bất cứ một trào lưu tư tưởng nào trong giai đoạn phát triển hiện nay và tương lai của đất nước để giải quyết vấn đề văn hóa tư tưởng này đều cần thiết, và phải là công việc chung của tất cả những ai quan tâm tới tiền đồ đất nước, dù xuất phát từ quá khứ và quan điểm chính trị khác biệt nhau như thế nào.

Tôi cho rằng dân tộc ta không thể phục hưng và phát triển bền vững và tương xứng với tiềm năng và bề dày lịch sử nếu không định hướng và định hình được con đường phát triển của đất nước trong thế kỷ mới. Khi du nhập chủ nghĩa cộng sản vào Việt Nam những người cộng sản đã tin rằng đây là con đường tốt đẹp nhất cho dân tộc. Ngày nay đường hướng đó đã tan vỡ trên toàn thế giới. Nhưng một mặt, vẫn còn những người cộng sản tin rằng đây chỉ là giai đoạn “thoái trào” của phong trào cộng sản thế giới. Mặt khác, ngay cả khi đã thấy rõ đường lối cộng sản không còn thích hợp, việc đi tìm một định hướng mới cho dân tộc lại càng trở nên cấp thiết. Do đó, nhìn lại chủ nghĩa Mác và con đường cộng sản Việt Nam nhân cái chết của một cựu đảng viên cộng sản lão thành không phải nhằm công kích hay phê phán, mà nhằm rút tía kinh nghiệm, và nhất là *nhằm cùng nhau suy tư về một con đường mới để phát triển đất nước trong thiên niên kỷ mới*. Hiện nay, vì tính cấp bách của công cuộc vận động cho tự do dân chủ, nên ở đây tôi chỉ xin trình bày một số điểm nhận xét tổng quát về chủ nghĩa Mác và về đảng CSVN nhân dịp tưởng nhớ đến ông Trần Độ.



Trước hết về chủ nghĩa Mác. Trong tài liệu soạn thảo và công bố ở trong nước vào giữa năm 1989 với tựa đề *Toàn Dân Vận Động Cho Dân Chủ*, và được in lại ở hải ngoại vào giữa năm 1990 với tựa đề *Thư Quốc Nội*, tôi đã viết:

“Chính sự thành công của CS lại minh chứng cho sự sai lầm của sử quan Mác. Từ sau cách mạng tháng 10 Nga, cách mạng vô sản nổ ra không phải như là một diễn biến nội tại tất nhiên của xã hội tư bản đã chín mùi, mà như là kết quả của bạo lực quân đội và hồng quân Nga, hay của phong trào yêu nước.”<sup>5</sup> Và: “Bản thân chủ nghĩa Mác đã bị tu chính nhiều lần bởi chính các lãnh tụ cộng sản quốc tế và cả những nhà lý luận cộng sản Âu Mỹ”.<sup>6</sup>

Chúng ta hãy thử phân tích hai điểm nhận xét này. Trước hết, theo sử quan duy vật Mác-xít thì lịch sử loài người phải tiến qua giai đoạn tư bản mới lên được giai đoạn cộng sản, vì Mác cho rằng chỉ trong xã hội tư bản công nghiệp hóa mới có đủ các yếu tố cần thiết cho cuộc cách mạng vô sản thành công với thành phần công nhân công nghiệp có trình độ khoa học và kỹ thuật cao, và có số lượng đông đảo và tập trung. Chính vì thế mà Mác mới tiên liệu nước có nhiều khả năng lên cộng sản nhất là nước Anh. Riêng về nước Nga Sa Hoàng Mác đặt ít triển vọng nhất. Thực tế đã diễn tiến khác hẳn. Nước đầu tiên thành cộng sản lại là nước Nga, một nước mà công nghiệp chưa phát triển. Nước thứ hai là Mông Cổ khi thiết lập chế độ cộng sản thì vẫn còn du mục! Các nước Đông Âu thành cộng sản dưới gót dây xâm lấn của hồng quân Liên Xô. Còn các nước khác như Việt Nam, đảng CS đã thành công nhờ dành được ngọn cờ giải phóng dân tộc. Trong khi đó, cho tới nay, hơn 150 năm sau ngày Tuyên Ngôn Cộng Sản ra đời, chưa hề có một nước tư bản nào thành cộng sản dù đảng cộng sản được hoạt động tự do và công khai. Riêng ở nước Anh, một trong những nước có đảng cộng sản hoạt động sớm nhất trên thế giới, mùa hè năm 1976, Tổng Bí Thư đảng CS Anh từ chức, ra khỏi đảng, và tuyên bố đảng cộng sản không còn vai trò gì nữa trong xã hội Anh! Rõ ràng là lịch sử đã không diễn tiến theo sử quan duy vật mác-xít.

Về nhận xét thứ hai, chủ nghĩa Mác đã bị xét lại ít nhất hai lần. Lần thứ nhất là Lê-nin. Trong luận cương về chế độ thuộc địa --tài liệu đã đưa HCM, và sau đó là cuộc chiến đấu giải phóng dân tộc của Việt Nam, vào quỹ đạo của cộng sản đệ tam quốc tế-- Lê-nin đã tu chỉnh luận điểm quan trọng của Mác là phải tiến qua giai đoạn tư bản mới lên cộng sản được. Theo Lê-nin

---

<sup>5</sup> Đoàn Viết Hoạt Và Nhóm Diễn Đàn Tự Do. The Case of Freedom Forum. California: Trăm Hoa, 1993, tr. 38.

<sup>6</sup> *Sđđ.*, tr. 39

thì vào thời kỳ Mác chủ nghĩa tư bản chưa biến thành chủ nghĩa đế quốc, chưa bành trướng thế lực ra những nước nông nghiệp lạc hậu. Lê-nin cho rằng phải và có thể phát triển cộng sản ở ngay những thuộc địa của các nước tư bản. Từ đó Lê-nin đưa ra điểm tu chính quan trọng: có thể tiến lên cộng sản không cần thông qua giai đoạn tư bản. Điều này phù hợp với thực tế là LX đã tiến lên cộng sản khi vẫn còn là một nước nông nghiệp. Nhưng điểm quan trọng là sở dĩ cộng sản thành công tại LX cũng như tại các nước theo mô hình Lê-nin vì có một tổ chức đảng chặt chẽ với kỷ luật sắt và kỹ thuật hoạt động bí mật cao độ, và một chính quyền chuyên chế tuyệt đối. Kết quả là lịch sử đã bị cưỡng chế chứ không phát triển theo qui luật tất yếu tự nhiên như Mác dự kiến. Và tất nhiên, mọi cưỡng chế cuối cùng đều thất bại, dù đã kéo dài được hơn 70 năm.

Mao Trạch Đông là người tu chính chủ nghĩa Mác lần thứ hai. Lần này Mao tu chính chính qui luật căn bản của học thuyết Mác: luật mâu thuẫn. Mao trình bày luận điểm của ông trong một tài liệu mỏng nhưng quan trọng mang tựa đề *Mâu Thuẫn Luận* biên soạn năm 1937, xuất bản năm 1952, và đã được dịch sang nhiều thứ tiếng. Ngay trong câu mở đầu Mao đã viết: “luật mâu thuẫn chính là luật thống nhất những đối lập”<sup>7</sup>. Mao cho rằng mâu thuẫn phải được tìm hiểu và vận dụng trong bối cảnh diễn tiến của thực tại. Và trong quan hệ với thực tại như thế mâu thuẫn có thể diễn tiến dưới nhiều hình thái khác nhau. Có mâu thuẫn lâu dài, có mâu thuẫn tạm thời; có mâu thuẫn chính, có mâu thuẫn phụ.

Áp dụng vào các vấn đề chính trị và cách mạng của Trung Quốc lúc Nhật xâm lăng Trung quốc, Mao cho rằng mâu thuẫn chính lúc đó là mâu thuẫn giữa dân tộc Trung Hoa và bọn quân phiệt xâm lược Nhật Bản, còn mâu thuẫn Quốc-Cộng là mâu thuẫn phụ. Do đó Mao đưa ra chủ trương “Quốc-Cộng liên minh kháng Nhật”. Vào thập niên 60, khi Trung Cộng chống lại ý đồ khống chế của LX, Mao cho rằng mâu thuẫn giữa LX và TQ là mâu thuẫn chính và mâu thuẫn giữa TQ và Mỹ là mâu thuẫn phụ, nên đưa ra khẩu hiệu: “Bắc cự Liên Xô, Đông hòa Mỹ quốc, cận thân Nhật Bản”. Trên bình diện toàn cầu thì, trong khuôn khổ của học thuyết mâu thuẫn mới đó, Mao đưa ra thuyết “ba thế giới”: thế giới thứ nhất gồm hai siêu cường Nga-Mỹ, thế giới thứ hai gồm các nước công nghiệp phát triển, và thế giới thứ ba gồm tất cả các nước kém phát triển. Trung quốc đứng về khối các nước thuộc thế giới thứ ba, tất nhiên với ý đồ lãnh đạo các nước này, tìm sự hỗ trợ của các nước phát triển để đánh đổ hai siêu cường Nga-Mỹ. Với quan điểm tu chính rất thực tế này, luật mâu thuẫn của Mác đã mất đi tính chất

---

<sup>7</sup> Stuart Schram (ed.). *The Political Thought of Mao-Tse-tung*. NY: Praeger Publishers, 1971, p. 194.

đấu tranh giai cấp cứng nhắc và mang nặng tính chất dân tộc sinh tồn Đại Hán vốn có của các triều đại phong kiến Trung Hoa. Đường lối thực dụng Đại Hán hiện đại này được vận dụng nhất quán trong chính sách “hiện đại hóa” do Đặng Tiểu Bình đưa ra và trong kế hoạch xây dựng “chủ nghĩa xã hội mang tính chất Trung quốc” của ban lãnh đạo cộng sản Trung Hoa hiện nay và trong chủ trương “ba đại diện” do Giang Trạch Dân đưa ra gần đây.

Đây là hai lần tu chính chủ nghĩa Mác ngay tại hai nước cộng sản lớn nhất. Còn tại những nước tư bản, vì là những nước tự do, đảng cộng sản được hoạt động công khai nên chủ nghĩa Mác lại càng biến thể nhanh chóng và mạnh mẽ hơn nữa, từ lý luận căn bản tới phương pháp hoạt động. Trong khi những đảng cộng sản chính thống tại các nước nhỏ do Liên Xô hay Trung Cộng chi phối chủ trương cách mạng bạo động và lật đổ thì tại các nước Âu Mỹ các đảng cộng sản hoạt động bất bạo động, công khai và hợp pháp bằng phương thức tranh cử và đấu tranh nghị trường. Sau khi Liên Xô sụp đổ và khối Cộng sản quốc tế tan vỡ các đảng cộng sản này, cũng như hầu hết các đảng cộng sản khác trên thế giới, đều lần lượt suy yếu hoặc phải đổi tên thành đảng dân chủ xã hội.

Tại sao phong trào cộng sản quốc tế đã một thời phát triển mạnh mẽ trên một nửa quả địa cầu lại tan rã nhanh chóng như thế? Phải chăng tại vì những sai lầm trong hàng ngũ lãnh đạo của đảng cộng sản Liên Xô? Và phải chăng tình trạng hiện nay chỉ là bước ”thoái trào” tạm thời của phong trào cộng sản quốc tế như những nhà lý luận cộng sản Việt Nam hiện đang cố giải thích để làm yên lòng những đảng viên đã lung lay niềm tin? Có thể là như thế, thậm chí một số đảng cộng sản được phục hồi tại Nga và một số nước khác có thể trở lại cầm quyền. Nhưng ngay tại mỗi nước mà đảng cộng sản có thể trở lại nắm quyền thì nền văn hóa tư tưởng và chế độ chính trị-xã hội tại những nơi đó đã và sẽ vẫn là một nền văn hóa tự do và một chế độ dân chủ, trong đó mọi tư tưởng và đảng phái chính trị, kể cả đảng cộng sản, đều được quyền hoạt động tự do và bình đẳng, và trong đó người dân, chứ không phải bất cứ đảng nào, có quyền quyết định chọn lựa những người lãnh đạo đất nước. Đảng cộng sản vẫn có thể, và luôn luôn vẫn có quyền, tồn tại trong chế độ dân chủ như bất cứ đảng chính trị nào khác, nếu vẫn có người theo. Nhưng chế độ cộng sản thì không bao giờ có thể phục hồi lại được, chế độ cộng sản với ba nội dung cụ thể: độc quyền về văn hóa tư tưởng, độc đảng về chính trị, và kinh tế chỉ huy ưu tiên cho quốc doanh và tập thể. Còn những lý tưởng mà Mác muốn thực hiện, như bình đẳng, tự do, hạnh phúc, không còn người bóc lột người, các dân tộc sống chan hòa với nhau, v.v...thì, trước hết, không phải là lý tưởng đặc thù riêng của Mác, mà của bất cứ ai có lương tri trên trái đất này. Hơn thế nữa, những lý tưởng đó đã và đang được thực hiện không phải bởi những phương thức do Mác đề ra, mà bởi những phương thức mà Mác muốn loại bỏ, sau khi đã được tu chính.

Và không phải bởi những đệ tử của Mác mà bởi chính những thành phần xã hội mà Mác cho rằng phải tiêu diệt.

Đúng như thế. Xã hội tư bản có rất nhiều điều bất cập, cần phải được phê phán và sửa đổi, không những trước đây, bây giờ, mà còn mãi mãi không ngừng, như là qui luật chung đối với bất cứ hình thái xã hội nào khác. Nhưng xã hội tư bản có một đặc tính quan trọng mà xã hội cộng sản không có: *đó là tự do*. Sự tự do đó cho phép con người sửa đổi được cả bản thân con người lẫn những cơ chế xã hội mà con người đặt ra, kể cả cơ chế tư bản. Và điều đáng nói hơn thế nữa là sự tự do đó đã cho phép mỗi cá nhân điều chỉnh *ngay chính cả sự tự do* của mình! Nhờ đó đã có thể chuyển đổi từ thời kỳ tư bản cá nhân --với sự tự do cạnh tranh theo kiểu rừng rú, mạnh được yếu thua, cá lớn nuốt cá bé, lợi nhuận cá nhân trên lợi ích công cộng-- sang được thời kỳ tư bản xã hội ngày nay (mà về mặt kinh tế có người gọi là nền kinh tế thị trường xã hội, social market economy) với các biện pháp về luật lệ và thuế má, ngăn ngừa độc quyền kinh doanh, bảo vệ quyền lợi của người dân bình thường, cũng là người tiêu thụ, đồng thời vẫn bảo đảm được môi trường cạnh tranh tự do, bình đẳng, thúc đẩy tiến bộ.

Chế độ cộng sản không những đã tước đoạt mất của mỗi con người, mỗi người dân, sự tự do và tự chủ, *vốn là đặc tính vô cùng quý báu trong bản chất của loài người*. Tệ hơn, nó còn triệt tiêu cả cơ hội xây dựng và phát triển sự tự do điều chỉnh và kiểm tra tự động trong cơ chế xã hội. Bản thân Mác và những người theo ông tự cho mình đã tìm ra được chân lý và qui luật duy nhất đúng về sự hình thành và phát triển của con người và xã hội. Họ đã tự cho mình cái quyền triệt tiêu mọi cơ hội cho sự tiếp tục tìm tòi và phát triển chân lý và những quy luật khác. Họ đã thiết lập nên một cơ chế xã hội sơ cứng, máy móc và tàn bạo, “nuôi người và trị người như sắt với muối trong phòng thí nghiệm”, như ông với kiến ngoài thiên nhiên. Kết quả là cơ chế xã hội đó phải bị chính con người trong cơ chế đó đào thải, và trong thực tế chế độ cộng sản đã bị sụp đổ bởi chính những người cộng sản đã tinh ngộ, và ngay tại chính trung tâm quốc tế mạnh nhất của nó.

Lý do căn bản của sự sai lầm tai hại này chính vì Mác cho rằng con người được tự nhiên (nature) và xã hội qui định *trước khi* có thể qui định lại tự nhiên và xã hội, đồng thời môi trường xã hội là yếu tố quyết định không những bản thân mỗi cá nhân mà ngay cả hành sử của mỗi cá nhân với người khác và với thiên nhiên. Bị ảnh hưởng bởi nh

nhiên sang xã hội loài người khác với bầy đàn ong kiến. Hay nói một cách khác, *Mác chỉ thấy tính thống nhất, mà không thấy tính đối lập, giữa người với tự nhiên.*

Sự khác biệt giữa con người với thiên nhiên và với các loài sinh vật khác là một sự khác biệt rất căn bản và quyết định. Sự khác biệt đó nằm ngay trong hệ thống gen tự nhiên của loài người với 23 cặp nhiễm sắc thể so với 24 cặp của loài người vượn (chimpanzee), và đặc tính đó ngày càng được phát triển thêm trong quá trình phát triển của xã hội<sup>8</sup>. Nó giải thích không những tại sao con người không ngừng tiến hoá mà tiến hóa ngày một nhanh hơn và nhiều hơn. Nó cũng cho thấy không những xã hội là sản phẩm không ngừng được cải tiến bởi con người và cho con người, mà *chính tự nhiên có con người can thiệp vào cũng không ngừng được cải tiến bởi con người và cho con người*, khác hẳn với khu vực tự nhiên chưa có sự khám phá và can thiệp của con người --kể cả tự nhiên ngoài vũ trụ lẫn tự nhiên trong mỗi con người và trong xã hội (các hiện tượng tự phát).

Khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và khoa học nhân văn, qua nhiều ngành nghiên cứu ngày một đa dạng và vi tế hơn, đã và đang đạt được những khám phá sâu rộng về con người, tự nhiên và xã hội. Những khám phá này cung cấp cho nhân loại những kiến thức, khả năng và khí cụ thực tiễn để cải thiện ngày một hữu hiệu hơn mọi mặt đời sống con người, từ cá nhân, tới xã hội và toàn thể nhân loại. Tất nhiên khoa học thời Mác chưa thể cung cấp cho Mác những hiểu biết chính xác và vi tế về ba phạm trù tư tưởng là tự nhiên, con người và xã hội. Do đó, Mác đã có những nhận định sai lầm căn bản về tính chất đặc thù cũng như mối quan hệ hỗ tương của ba phạm trù tư duy nền tảng này. Những nhận thức sai lầm đó đã dẫn tư tưởng Mác xa rời thực tại đời sống con người. Và khi, *bằng độc đoán và bạo lực*, đem áp đặt những sai lầm này vào việc xây dựng đời sống con người, các đệ tử của Mác đã gây nên bao đau khổ cho hàng triệu cá nhân, và hàng chục dân tộc. Sai lầm văn hóa quả đã gây tác hại muôn đời.

Hồ Chí Minh và các đệ tử tài giỏi của ông khi đem chủ nghĩa Mác-Lê truyền bá vào Việt Nam đã tạo được khí thế mới cho cuộc chiến đấu đánh độc lập dân tộc lúc đó đang bế tắc. Họ đã thành công trong việc gắn liền nỗi nhục mất nước vào cảnh cùng khổ của người dân, đặc biệt là nông dân. Nhờ đó đã kích động và lôi cuốn được đa số nhân dân, những người không có gì

---

<sup>8</sup> Đây là những điểm căn bản trong quá trình phê phán tư tưởng Mác, mà vì giới hạn của bài viết chưa thể đề cập hết được. Riêng về nguyên nhân gây ra sự khác biệt trong hệ thống gen của người (23 cặp nhiễm sắc thể) và của người vượn (24 cặp), đây vẫn đang là đề tài nghiên cứu khoa học quan trọng. Nhiều giả thuyết khoa học đã được đưa ra để tìm cái “missing link” giữa 23 và 24 cặp nhiễm sắc thể đó.

đề mất, ngoài chính sinh mạng vốn đã khôn cùng của họ. Nhưng, cũng giống như sự thành công của Lê-nin ở Nga Sa-Hoàng đã chứng thực cho sự sai lầm của sử quan Mác, sự thành công của Hồ Chí Minh và đảng CSVN đã chứng thực cho sự nguy hại của mô hình chính trị và kiến thiết của Lê-nin và đệ tử của ông, đặc biệt là Staline. Việt Nam vào đầu thế kỷ 20 là một nước lầm than nghèo khổ, mất chủ quyền và không có tự do. Việt Nam vào cuối thế kỷ 20 vẫn không có tự do và vẫn lầm than nghèo khổ vào loại nhất nhì thế giới. Mà nền độc lập đã dành được sau ba thập niên chiến tranh, chết chóc và đổ nát, chẳng còn mấy ý nghĩa khi người dân vẫn nghèo khổ và vẫn chưa có quyền tự do quyết định vận mệnh chung của đất nước và vận mệnh riêng của mình. Đảng CSVN đã thành công trong việc dành được độc quyền cai trị đất nước nhưng nhân dân Việt Nam đã thất bại trong việc tranh đòi lại độc lập, tự do và hạnh phúc chân chính và bền vững cho mình và cho dân tộc.

Ngày nay, những đổi thay to lớn của tình hình thế giới đang đặt ra cho mọi người Việt quan tâm tới đất nước, cả cộng sản lẫn không cộng sản, những thách đố to lớn. Kinh tế thị trường, văn hóa tự do và thể chế dân chủ trong một xã hội dân sự ổn định –đó là xu thế phát triển chung của thời đại. Việt Nam cần nhanh chóng hội nhập vào xu thế đó. Một nước Việt mới với những tính chất như thế phải nhanh chóng ra đời để mở đường tiến hóa chung cho toàn dân Việt trong thời đại mới. Ban lãnh đạo cộng sản, hơn ai hết, có trách nhiệm nhanh chóng thay đổi để mở ra con đường tiến hóa đó cho dân tộc. Nếu không, những biến đổi kinh tế, văn hóa, xã hội của quần chúng tự bản thân nó đòi hỏi thay đổi cơ chế chính trị, và sẽ tự “bung phá” để khai thông con đường tiến hóa. Mà để mở đường tiến hóa không thể không thực hiện tiến trình dân chủ, hay nói như Trần Độ, “Muốn có tự do hạnh phúc phải có dân chủ”. Và để thực hiện tiến trình dân chủ, không thể không chính thức công nhận những tiếng nói đòi lập và cho phép ra đời những tổ chức chính trị độc lập. Tôi tin rằng trong ban lãnh đạo đảng cộng sản hiện nay nhiều người đã thấy rằng con đường cộng sản là con đường hồng rồi. Nhưng ham muốn quyền lực chính trị vẫn còn ám ảnh họ nên họ chưa dứt khoát tiến hành những thay đổi căn bản về văn hóa và chính trị đi kèm với những thay đổi kinh tế, để chấp nhận tiến trình dân chủ hóa toàn diện đất nước. Theo tôi, họ cần hiểu rằng vào đầu thế kỷ

Mong rằng những gì đã xảy ra ở Nam Hàn, Đài Loan trước đây, Indonesia gần đây, và nhất là Myanmar hiện nay, là những kinh nghiệm bổ ích cho ban lãnh đạo đảng cộng sản. Trong tình cảm thiêng liêng đối với người quá cố, cũng mong rằng cái chết trong niềm u uất vì dân chủ của một cựu đảng viên cộng sản như ông Trần Độ sẽ giúp đẩy nhanh hơn nữa tiến trình dân chủ một cách êm thấm để đất nước không phải trải qua một thời kỳ rối loạn. Con đường đẹp nhất cho đất nước là con đường chuyển đổi từ độc tài sang dân chủ một cách hòa bình. Biến chuyển của thế giới và khu vực hiện nay đang rất thuận lợi để đất nước chúng ta tiến vào con đường đó. Và bước khởi đầu trên con đường đó là *đối thoại dân tộc* thật sự chân thành và cởi mở giữa những người cộng sản đang cầm quyền với những người dân chủ đối lập trong tinh thần anh em, tôn trọng khác biệt, để cùng nhau tìm giải pháp tối ưu cho đất nước. Hơn ai hết, ban lãnh đạo đảng cộng sản hiện nay đang ở vào vị thế thuận lợi nhất, đồng thời có trách nhiệm chính để chủ động mở ra con đường đó. Đó cũng là con đường tốt nhất cho tương lai của chính đảng cộng sản “kiểu mới” trong chế độ dân chủ pháp trị bắt buộc phải đến tại Việt Nam. Họ không còn lựa chọn nào khác nếu họ không muốn đảng cộng sản của họ bị lịch sử và toàn dân đào thải ra khỏi tiến trình phát triển chung của dân tộc trong một nước Việt Nam mới đang ra đời – một nước Việt tự do và phồn vinh cho mọi người Việt.

*Đoàn Viết Hoạt*

*(8/2002 - nhân dịp tưởng niệm ông Trần Độ*

*- Đã đăng ở Thế Kỷ 21, số tháng 9/2002)*